

Số: 06/2023 /BTT-MAC

(V/việc: CBTT báo cáo TC kiểm toán 2022)

Hải phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2023

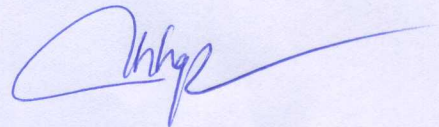
Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải.
2. Mã chứng khoán: MAC.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0225.3766561 Fax: 0225.3765671.
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Trịnh Thị Thu Trang.
6. Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường theo yêu cầu
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.
 - Bản giải trình số liệu.
8. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/3/2023 tại đường dẫn: maserco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

- Tài liệu đính kèm:
 - BCTC 2022
 - Giải trình số liệu

Người được ủy quyền



Trịnh Thị Thu Trang

PHẦN MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	9 - 10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 35

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 35

Họ và tên		nhuận/miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Hồng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Việt Quân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Tô Thị Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Hoàng Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Vũ Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ban Giám đốc, Kế toán trưởng		
Họ và tên	Chức vụ	Nhận bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tiến Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
Bà Trần Thanh Nhân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải 1, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200563063, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung 18 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 07 tháng 07 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : (0225) 3766.561
- Fax : (0225) 3765.671

Công ty chỉ có 01 Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 97/48 khu phố 5, đường Số 8, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Vũ Hải Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Hồng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Việt Quân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Tạ Thị Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Hoàng Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Vũ Thị Hậu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tiến Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
Bà Trần Thanh Nhân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Văn Trinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Tiến Dũng (từ ngày 07 tháng 7 năm 2022) và bà Trần Thanh Nhân (đến ngày 07 tháng 7 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Tiến Dũng

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

4498
CHI N
CÓN
CH NHI
V TOÁN
A
TẠI
G Đ

Số: 2.0212/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác của Teng Lay Dry Port Co., Ltd lần lượt là 2.021.662.012 VND, 50.697.200 VND, 988.015.497 VND và 600.136.908 VND không được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đưa ra ý kiến về các khoản công nợ này cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số tiền 484.206.807 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc
 Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1
 Người được ủy quyền
 Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên
 Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1

1	Tài sản cho ngân hàng			
2	Tài sản nội bộ			
3	Phải thu theo đơn đặt hàng hợp đồng xây dựng			
4	Phải thu về chi phí ngân hàng			
5	Tài sản ngắn hạn khác			
6	Tổng cộng phải thu ngắn hạn khác			
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Tổng cộng tài sản ngắn hạn			
9	Phải trả ngắn hạn			
10	Phải trả theo đơn đặt hàng hợp đồng xây dựng			
11	Phải trả về chi phí ngân hàng			
12	Phải trả ngắn hạn khác			
13	Tổng cộng phải trả ngắn hạn khác			
14	Tổng cộng phải trả ngắn hạn			
15	Tài sản ngắn hạn khác			
16	Chi phí trả trước ngắn hạn			
17	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
18	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
19	Chi phí trả trước ngắn hạn khác			
20	Tổng cộng chi phí trả trước ngắn hạn khác			
21	Tổng cộng chi phí trả trước ngắn hạn			
22	Tài sản ngắn hạn khác			

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.411.006.673	77.216.518.475
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.992.821.094	13.177.989.742
1. Tiền	111		4.192.821.094	13.177.989.742
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.700.000.000	4.485.680.745
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.485.680.745
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	31.700.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.303.543.566	45.933.054.650
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.244.577.449	42.116.878.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.187.282.078	3.060.134.133
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.905.425	415.322.125
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.872.023.440	12.452.865.420
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.003.244.826)	(12.112.145.609)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.138.293.350	13.195.504.553
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.138.293.350	13.195.504.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		276.348.663	424.288.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	114.020.496	270.507.589
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	162.328.167	153.781.196
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	170		187.171.518.325	180.051.091.107

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.760.508.552	102.836.572.692
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.018.055.300	35.034.722.100
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		18.055.300	34.722.100
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000.000	35.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.390.396.646	26.148.827.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	19.756.764.646	24.321.759.417
<i>Nguyên giá</i>	222		54.178.082.835	65.541.576.474
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.421.318.189)	(41.219.817.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	633.632.000	1.827.068.000
<i>Nguyên giá</i>	228		673.632.000	2.662.692.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.000.000)	(835.624.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	1.068.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.068.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.088.952.256	40.212.621.393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	9.500.000.000	9.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	23.862.664.236	34.327.924.662
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(6.913.711.980)	(4.255.303.269)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	640.000.000	640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		263.104.350	372.401.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	263.104.350	372.401.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.171.515.225	180.053.091.167

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.438.517.436	40.303.035.376
I. Nợ ngắn hạn	310		18.438.517.436	40.303.035.376
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.201.256.895	11.159.276.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.701.477	95.878.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.542.887.024	842.836.711
4. Phải trả người lao động	314		2.864.655.312	1.263.576.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	466.142.050	1.220.954.057
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.076.884.032	23.602.280.803
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	1.485.097.966
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	278.990.646	633.133.576
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.732.997.789	139.750.055.791
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	148.732.997.789	139.750.055.791
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(643.572.900)	(643.572.900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.692.992.406	14.692.992.406
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		22.862.255	22.862.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.736.733.972)	(25.719.675.970)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(25.719.675.970)	(25.719.675.970)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.982.941.998	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.171.515.225	180.053.091.167

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023



Trần Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.027.462.088	89.629.641.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.027.462.088	89.629.641.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.896.056.889	84.930.270.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.131.405.199	4.699.371.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.658.597.411	607.429.559
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.374.693.692	4.206.866.705
Trong đó: chi phí lãi vay	23		75.957.259	465.263.422
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	374.405.492	509.493.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.838.988.949	13.919.809.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.201.914.477	(13.329.368.342)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.039.194.980	305.962.251
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.258.167.459	1.679.771.212
13. Lợi nhuận khác	40		(2.218.972.479)	(1.373.808.961)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.982.941.998	(14.703.177.303)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.982.941.998</u>	<u>(14.703.177.303)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>593</u>	<u>(971)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>593</u>	<u>(971)</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga



Trần Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.982.941.998	(14.703.177.303)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9;10	5.286.243.165	5.693.665.889
- Các khoản dự phòng	03	9.447.085.954	5.917.554.828
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(31.615.075)	143.979.426
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3	(20.431.769.347)	601.885.635
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	75.957.259	465.263.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.328.843.954	(1.880.828.103)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.132.668.270	8.102.812.009
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.057.211.203	6.082.045.036
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.525.936.696)	755.714.402
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	265.784.525	979.365.359
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.485.680.745	(1.485.680.745)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(75.957.259)	(481.582.973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(125.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(354.142.930)	(679.615.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.314.151.812	11.267.229.585
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.743.183.809)	(457.328.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.851.806.530	303.416.432
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.755.000.000)	(50.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	612.354.555
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.800.250.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	21.303.744.156	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.142.397.765	1.742.386.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.000.485.358)	2.150.828.752

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

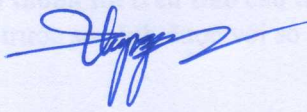
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	3.536.726.559	19.764.117.793
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(5.021.824.525)	(28.795.633.167)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.485.097.966)	(9.031.515.374)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.171.431.512)	4.386.542.963
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	13.177.989.742	8.958.328.543
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(13.737.136)	(166.881.764)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	11.992.821.094	13.177.989.742

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023



Giám đốc

Trần Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty miễn nhiệm 3/5 thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022. Công ty thay đổi Giám đốc ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thay đổi người đại diện theo pháp luật ngày 07 tháng 7 năm 2022.

Doanh thu năm nay sụt giảm so với năm trước do lượng khách hàng giảm mạnh, tuy nhiên lãi gộp tăng do đẩy mạnh hoạt động có tỷ lệ lãi gộp cao là lắp ráp thiết bị container và giảm hoạt động có tỷ lệ lãi gộp thấp dịch vụ sửa chữa container. Lợi nhuận năm nay chủ yếu đến từ giao dịch chuyên nhượng chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư vào đơn vị khác (Xem thuyết minh V.2 và VI.3).

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 97/48 khu phố 5, Đường Số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 188 nhân viên). Số lượng nhân viên giảm trong năm là 71 nhân viên, do cắt giảm nhân sự ở bộ phận tổ chức hành chính và sản xuất DAD.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Tiền bảo hiểm trả trước cho thời gian bảo hiểm mà Công ty được hưởng. Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	29.412.401	93.627.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.163.408.693	13.084.361.753
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	7.800.000.000	-
Cộng	<u>11.992.821.094</u>	<u>13.177.989.742</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn – Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	31.700.000.000	3.000.000.000
Dài hạn – Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	640.000.000	640.000.000
Cộng	<u>32.340.000.000</u>	<u>3.640.000.000</u>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,5%/năm, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng.

(ii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành là 26/9/2019, đã được cầm cố cho khoản vay tại cùng ngân hàng.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đều có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.500.000.000	(626.470.045)	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	9.500.000.000	(626.470.045)	9.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.862.664.236	(6.287.241.935)	34.327.924.662	(4.255.303.269)
Công ty Cổ phần Hải Minh ⁽ⁱ⁾	214.236	(17.036)	786.585.670	-
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ⁽ⁱ⁾	-	-	886.050.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	-	-	81.600.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	600.000.000	(600.000.000)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	1.498.188.992	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	300.000.000	-	300.000.000	(13.862.678)
Công ty Cổ phần Cảng Mipecc ^(iv)	22.662.450.000	(6.287.224.899)	29.275.500.000	(3.641.440.591)
Cộng	33.362.664.236	(6.913.711.980)	43.827.924.662	(4.255.303.269)

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hải Minh, Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco và Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng.

(ii) Công ty xóa sổ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais do doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.

(iii) Trong năm, Công ty được trả cổ tức bằng 80.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và ngày 16/8/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

(iv) Trong năm, Công ty mua thêm 916.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Mipecc, tương đương 9.800.250.000 VND; và chuyển nhượng 1.009.800 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương theo hợp đồng ủy thác (Xem thuyết minh V.15).

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	95.000	48,27%	95.000	48,27%
Công ty Cổ phần Hải Minh	17	0,00%	62.417	0,47%
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ^(*)	-	-	-	55,38%
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	-	-	4.800	0,11%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	-	-	60.000	18,18%
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-	200.001	0,41%
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	18,77%	9.000	18,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	30.000	15,00%	30.000	15,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mipecc	1.781.700	1,75%	1.875.000	3,00%

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco số 01/BBTV ngày 20/12/2020, Công ty đã chuyển quyền biểu quyết, quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi miễn các thành viên Hội đồng thành viên, quyền bỏ đa số phiếu trong các cuộc họp của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco cho ông I Wasaki Yoshinobu. Công ty chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó, khoản đầu tư này được phân loại là “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Hải Minh	17	197.200	62.417	1.167.197.900
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-	200.001	13.560.067.800
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	-	-	4.800	108.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Số dự phòng được xác định trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do các đơn vị cung cấp.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.255.303.269	657.679.412
Trích lập dự phòng bổ sung	3.272.271.389	3.641.440.591
Hoàn nhập dự phòng	(13.862.678)	(43.816.734)
Sử dụng dự phòng	(600.000.000)	-
Số cuối năm	6.913.711.980	4.255.303.269

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (công ty liên kết) như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	22.559.976	157.832.877
Thu tiền bồi thường từ Công ty liên kết	16.000.000	-
Thuê kho của Công ty liên kết	130.797.600	140.700.000
Sử dụng dịch vụ khai thác bãi của Công ty liên kết theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.062.500.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.801.128.276	14.023.604.060
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (*)	11.801.128.276	14.023.604.060
Phải thu các khách hàng khác	30.443.449.173	28.093.274.521
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	13.202.819.021
Maersk line a/s	6.464.000.318	3.923.282.789
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	2.021.662.012	1.976.309.801
Các khách hàng khác	8.754.967.822	8.990.862.910
Cộng	42.244.577.449	42.116.878.581

(*) Trong năm, Công ty đã cần trừ Chi phí sử dụng bãi năm 2022 (từ 01/08/2022 đến 31/12/2022) vào công nợ là 2.750.000.000 VND, trong đó cần trừ vào công nợ phải thu khách hàng 1.897.783.950 VND (Xem thuyết minh V.5b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phương Mai (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	187.282.078	60.134.133
Cộng	3.187.282.078	3.060.134.133

(*) Ứng trước theo Hợp đồng Dịch vụ tư vấn đầu tư ngày 08/06/2018 để đối tác thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, đại diện thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết để Công ty được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho thuê đất với diện tích từ 10 đến 11 ha để đầu tư kho bãi và dịch vụ cảng hàng hải tại P. Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện dịch vụ kho bãi, logistics và dịch vụ cảng. Công ty xác định khoản nợ này không có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng 100% vào năm nay (Xem thuyết minh V.6).

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	4.028.127	-
Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc - Phải thu tiền thẻ Visa	-	-	4.028.127	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.872.023.440	(440.738.721)	12.448.837.293	(175.844.405)
Vật tư thiếu chờ xử lý	-	-	24.848.280	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (i)	39.601.000	(39.601.000)	1.132.754.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU (ii)	2.682.942.041	-	7.000.000.000	-
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	50.697.200	-	157.286.723	-
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco - Lãi cho vay	333.311.562	-	333.311.562	-
Tạm ứng	341.553.083	(146.352.000)	1.298.433.990	-
Tạm tính doanh thu	-	-	1.848.335.725	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	95.324.833	-	25.765.041	-
Ký cược, ký quỹ	129.192.120	(55.384.120)	345.852.120	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	199.401.601	(199.401.601)	282.249.602	(175.844.405)
Cộng	3.872.023.440	(440.738.721)	12.452.865.420	(175.844.405)

(i) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi về lãi đặt cọc, lương và BHXH, tiền ăn ca chi hộ. Trong năm, Công ty đã cản trừ Chi phí sử dụng bãi năm 2022 (từ 01/08/2022 đến 31/12/2022) vào công nợ là 2.750.000.000 VND, trong đó cản trừ vào công nợ phải thu khác 852.216.050 VND (Xem thuyết minh V.5b)

(ii) Tạm ứng theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ ngày 13/9/2016 về việc tìm kiếm và cung cấp hồ sơ về các dự án đầu tư kho bãi tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, thời hạn thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư MLU chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận hợp đồng và đã bù trừ công nợ 217.057.959 VND vào ngày 30/4/2022, chuyển trả lại 4.100.000.000 VND vào ngày 02/8/2022.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (hiệu lực từ 01/01/2021 đến 31/7/2022), 2 bên hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022 (hiệu lực từ 01/8/2022), 2 bên thống nhất lại diện tích hợp tác là 3,5 ha tại lô đất 4,3 ha và thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi, được chia làm 2 giai đoạn: (i) Giai đoạn từ 01/08/2022 đến 31/07/2027 (5 năm): chi phí sử dụng bãi 612.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 550.000.000 VND/tháng; (ii) Giai đoạn từ 01/08/2027 đến 31/07/2030 (3 năm): chi phí sử dụng bãi 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 600.000.000 VND/tháng. Theo thỏa thuận này, từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2029, Công ty sẽ thu hồi được 49.568.551.298 VND (gồm: 35.000.000.000 VND tiền ứng vốn và 14.568.551.298 VND nợ phải thu MTC) qua cần trừ công nợ phí sử dụng bãi.

Chi phí sử dụng bãi năm 2022 (từ 01/08/2022 đến 31/12/2022) là 3.062.500.000 VND, số đã cần trừ công nợ năm 2022 là 2.750.000.000 VND.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	(13.202.819.021)	13.202.819.021	(11.501.301.204)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	-	-	400.000.000	(400.000.000)
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	484.206.807	(484.206.807)	-	-
Sunn and Miece company limited	268.641.040	(268.641.040)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phương Mai	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	1.081.862.447	(1.047.577.958)	221.413.902	(210.844.405)
Cộng	18.037.529.315	(18.003.244.826)	13.824.232.923	(12.112.145.609)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.112.145.609	25.195.124.960
Trích lập dự phòng bổ sung	6.315.947.497	2.319.930.971
Hoàn nhập dự phòng	(127.270.254)	-
Sử dụng dự phòng (*)	(297.578.026)	(15.402.910.322)
Số cuối năm	18.003.244.826	12.112.145.609

(*) Xóa các khoản nợ khó đòi đã trích dự phòng đầy đủ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14.08/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 (xem thuyết minh V.19b). Năm 2022, Công ty xóa sổ cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais vay do doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	481.661.150	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.205.819.617	-	9.615.560.768	-
Công cụ, dụng cụ	678.244.504	-	939.273.598	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.191.880	-	683.081.273	-
Thành phẩm (*)	1.688.376.199	-	1.916.391.503	-
Hàng gửi đi bán	-	-	41.197.411	-
Cộng	9.138.293.350	-	13.195.504.553	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Thành phẩm của Công ty là nguyên vật liệu đã qua gia công xử lý cắt, hàn, đục lỗ.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	84.718.574	132.284.489
Chi phí bảo hộ lao động	1.536.500	66.259.055
Chi phí bảo hiểm	10.992.546	29.906.371
Chi phí sửa chữa	-	10.500.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.772.876	31.557.674
Cộng	114.020.496	270.507.589

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	31.094.764.251	4.836.463.120	29.211.469.531	242.786.000	156.093.572	65.541.576.474
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.743.183.809	-	-	-	-	2.743.183.809
Phân loại lại	(30.369.209)	(48.773.440)	-	-	79.142.649	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.789.521.734)	(1.989.059.746)	(9.571.160.367)	-	-	(13.349.741.847)
Giảm khác (*)	(756.935.601)	-	-	-	-	(756.935.601)
Số cuối năm	31.261.121.516	2.798.629.934	19.640.309.164	242.786.000	235.236.221	54.178.082.835
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.888.548.646	1.436.085.773	3.833.062.038	35.496.000	-	7.193.192.457
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.114.714.450	4.070.176.684	20.857.944.993	114.543.500	62.437.430	41.219.817.057
Khấu hao trong năm	2.147.416.574	247.824.266	2.453.153.825	24.427.143	15.609.357	4.888.431.165
Phân loại lại	(30.369.209)	(48.773.440)	-	-	79.142.649	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.173.791.160)	(1.889.466.185)	(8.291.044.718)	-	-	(11.354.302.063)
Giảm khác (*)	(332.627.970)	-	-	-	-	(332.627.970)
Số cuối năm	16.725.342.685	2.379.761.325	15.020.054.100	138.970.643	157.189.436	34.421.318.189
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	14.980.049.801	766.286.436	8.353.524.538	128.242.500	93.656.142	24.321.759.417
Số cuối năm	14.535.778.831	418.868.609	4.620.255.064	103.815.357	78.046.785	19.756.764.646
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Giảm do tháo dỡ tài sản không sử dụng và xử lý tài sản thiếu phát hiện qua kiểm kê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	633.632.000	2.029.060.000	2.662.692.000
Giảm khác (*)	-	(1.989.060.000)	(1.989.060.000)
Số cuối năm	633.632.000	40.000.000	673.632.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	835.624.000	835.624.000
Khấu hao trong năm	-	397.812.000	397.812.000
Giảm khác (*)	-	(1.193.436.000)	(1.193.436.000)
Số cuối năm	-	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	633.632.000	1.193.436.000	1.827.068.000
Số cuối năm	633.632.000	-	633.632.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Phần mềm PERP gồm 4 phân hệ là: quản lý kho, mua hàng, sản xuất và bán hàng. Hệ thống được triển khai từ ngày 12/8/2016 và nghiệm thu đưa vào vận hành chính thức ngày 31/12/2019. Do phần mềm còn một số chức năng cần bổ sung, hiệu chỉnh trong thời gian bảo hành (12 tháng kể từ ngày vận hành chính thức) nên phần mềm được tạm tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình là 1.989.060.000 VND. Công ty điều chỉnh giảm do không sử dụng phần mềm PERP vào phục vụ quản lý sản xuất từ ngày 31/12/2022.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Phần mềm MNR Plus (*)	1.068.000.000	-	-	(1.068.000.000)	-
Bãi gửi xe con 8A	-	657.581.145	(657.581.145)	-	-
Sân Tennis 8A	-	1.401.571.963	(1.401.571.963)	-	-
Xưởng sản xuất Suối Tiên 2	-	684.030.701	(684.030.701)	-	-
Cộng	1.068.000.000	2.743.183.809	(2.743.183.809)	(1.068.000.000)	-

(*) Căn cứ hợp đồng số 005/PERP-MAC/2019 ngày 31/05/2019 đã ký giữa MAC với PERP vv cung cấp phần mềm MNR plus về quản lý sửa chữa container, tổng giá trị hợp đồng 1.780.000.000 VND. Hiện tại đã hoàn thành giai đoạn khảo sát phân tích và bàn giao tài liệu quy trình nghiệp vụ tương lai, tài liệu mô phỏng hệ thống (ngày 07/10/2019). Công ty đánh giá phần mềm không có giá trị sử dụng và đã kết chuyển chi phí trong năm theo Quyết định số 02/QĐ/TC-HC của Giám đốc ngày 31/08/2022. Các bên đã thanh lý hợp đồng vào ngày 05/10/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán	Lỗ kế toán	Lỗ đủ điều kiện chuyển lỗ	Số đã chuyển lỗ	Số còn được chuyển lỗ
		(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
		(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)
2020	Chưa quyết toán	4.327.957.822	96.067.728	-	96.067.728
2021	Chưa quyết toán	14.703.177.303	12.248.586.157	-	12.248.586.157
2022	Chưa quyết toán	-	1.837.256.553	-	1.837.256.553
		19.031.135.125	14.181.910.438		14.181.910.438

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì Công ty chưa xác định được khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	2.061.538.998	2.484.378.506
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	988.015.497	3.388.039.585
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco	890.536.350	965.641.270
Các nhà cung cấp khác	4.261.166.050	4.321.217.568
Cộng	8.201.256.895	11.159.276.929

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	541.046.617	-	2.793.722.965	(2.703.362.425)	631.407.157	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	125.000.000	-	-	-	125.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	5.188.044	28.781.196	87.609.717	(95.020.447)	6.324.285	37.328.167
Tiền thuế đất	296.602.050	-	3.574.280.950	(3.816.882.650)	54.000.350	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phạt chậm nộp tiền thuế đất	-	-	851.155.232	-	851.155.232	-
Cộng	842.836.711	153.781.196	7.310.768.864	(6.619.265.522)	1.542.887.024	162.328.167

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.982.941.998	(14.703.177.303)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(9.504.829.551)	2.834.592.146
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.211.862.007	2.971.865.356
<i>Chi phí không được trừ</i>	1.837.812.871	2.643.672.505
<i>Chi phí phần mềm ERP không sử dụng</i>	360.312.000	-
<i>Lãi CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm trước</i>	-	158.154.708
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ của tiền năm nay</i>	13.737.136	166.881.764
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm nay</i>	-	3.156.379
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.716.691.558)	(137.273.210)
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ của tiền năm trước</i>	(166.881.764)	(137.273.210)
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm trước</i>	(3.156.379)	-
<i>Lãi CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm nay</i>	(45.352.211)	-
<i>Dự phòng không được trừ theo quy định (*)</i>	(11.501.301.204)	-
Thu nhập chịu thuế	(521.887.553)	(11.868.585.157)
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(1.315.369.000)	(380.001.000)
Thu nhập tính thuế	(1.837.256.553)	(12.248.586.157)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-

(*) Dự phòng nợ phải thu quá hạn đã trích lập lũy kế đến 31/12/2021 của Công ty TNHH Goldstar Marine đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế từng năm khi trích lập dự phòng. Công ty kê khai điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN của năm 2022 do có biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/04/2022.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>
- 173 Ngô Quyền, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng	13.547,2 m ²
- 8A đường vòng Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng	7.904 m ²
- 80 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	400 m ²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trích trước tạm tính nguyên giá phần mềm	360.312.000	360.312.000
Maserco Myanmar - Tạm tính chi phí dịch vụ	-	833.022.648
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	105.830.050	27.619.409
Cộng	466.142.050	1.220.954.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	102.457.442	132.538.342
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	322.323.279	275.907.072
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi – Phải trả Lương và BHXH chi hộ	-	256.937.200
Cổ tức phải trả	3.027.949.000	3.027.949.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương – Nhận ủy thác mua cổ phần CTCP Cảng Mipec (*)	-	15.315.300.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải - Đặt cọc thuê bãi	316.800.000	316.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	-
Teng lay Cambodia - Mượn vật tư	600.136.908	3.692.001.369
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	672.217.403	584.847.820
Cộng	<u>5.076.884.032</u>	<u>23.602.280.803</u>

(*) Công ty (Bên B) nhận ủy thác của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương (Bên A) để mua 900.000 cổ phần CTCP Cảng Mipec với giá mua 17.017 VND/CP (xem Thuyết minh V.2). Theo hợp đồng, số cổ phần này sẽ được chuyển quyền cho Bên A đúng tên vào thời điểm thích hợp do hai bên thỏa thuận, phù hợp với chính sách của Cảng Mipec. Trong thời gian chưa chuyển quyền, Bên A ủy quyền cho Bên B đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của Cảng Mipec. Bên A được hưởng mọi quyền lợi phát sinh của số cổ phần này kể từ khi hoàn tất việc thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng. Ngày 13/01/2022, Công ty nhận thêm vốn ủy thác đầu tư từ Bên A để mua thêm 109.800 cổ phần sau khi Mipec phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Ngày 30/4/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.009.800 cổ phần tại Mipec nhận ủy thác cho bên A (Xem thuyết minh V.2c).

17. Vay ngắn hạn

Là khoản vay margin Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect để mua 10.850 cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang và được thế chấp bằng chính cổ phiếu đã mua.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.485.097.966	10.516.613.340
Số tiền vay phát sinh	3.536.726.559	19.764.117.793
Số tiền vay đã trả	(5.021.824.525)	(28.795.633.167)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.485.097.966</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	633.133.576	978.426.986
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	334.321.990
Chi quỹ	(354.142.930)	(679.615.400)
Số cuối năm	<u>278.990.646</u>	<u>633.133.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	151.397.450.000	(643.572.900)	14.358.670.416	22.862.255	(10.347.854.687)	154.787.555.084
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(14.703.177.303)	(14.703.177.303)
Trích lập các quỹ	-	-	334.321.990	-	(668.643.980)	(334.321.990)
Số dư cuối năm trước	<u>151.397.450.000</u>	<u>(643.572.900)</u>	<u>14.692.992.406</u>	<u>22.862.255</u>	<u>(25.719.675.970)</u>	<u>139.750.055.791</u>
Số dư đầu năm nay	151.397.450.000	(643.572.900)	14.692.992.406	22.862.255	(25.719.675.970)	139.750.055.791
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	8.982.941.998	8.982.941.998
Số dư cuối năm nay	<u>151.397.450.000</u>	<u>(643.572.900)</u>	<u>14.692.992.406</u>	<u>22.862.255</u>	<u>(16.736.733.972)</u>	<u>148.732.997.789</u>

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.139.745	15.139.745
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 55.015,45 USD (số đầu năm là 122.630,89 USD).

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là các khoản nợ phải thu lâu ngày, đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - TV HĐQT	1.430.000.000	1.430.000.000
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	3.543.444.695	3.543.444.695
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành	3.297.459.144	3.297.459.144
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng	1.892.531.640	1.892.531.640
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải	1.131.317.000	1.131.317.000
Các tổ chức, các nhân khác	4.405.735.869	4.108.157.843
Cộng	<u>15.700.488.348</u>	<u>15.402.910.322</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Toàn bộ doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ cho các khách hàng không phải là bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	719.021.939	126.447.185
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.939.705	12.471.757
Lãi tiền cho vay	2.174.848	9.347.207
Lãi đầu tư trái phiếu	33.891.770	79.162.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	456.869.000	380.001.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	41.640.030	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.615.075	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	18.051.319.494	-
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	312.125.550	-
Cộng	<u>19.658.597.411</u>	<u>607.429.559</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	75.957.259	465.263.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	143.979.426
Dự phòng dự phòng tổn thất đầu tư	3.258.408.711	3.597.623.857
Chi phí khác	40.327.722	-
Cộng	<u>3.374.693.692</u>	<u>4.206.866.705</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	143.173.400	210.122.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.974.430	273.569.316
Các chi phí khác	3.257.662	25.801.043
Cộng	<u>374.405.492</u>	<u>509.493.262</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.039.593.465	7.112.060.497
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.961.740	6.076.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.114.395.385	1.109.290.058
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	1.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	6.188.677.243	2.319.930.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.318.661.269	930.639.510
Tiền thuê đất	1.966.200.950	1.213.031.300
Trợ cấp thôi việc	286.325.295	104.810.000
Các chi phí khác	913.173.602	1.122.970.546
Cộng	<u>16.838.988.949</u>	<u>13.919.809.049</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	856.366.746	-
Thu thanh lý	2.851.806.530	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(1.995.439.784)	-
Lãi thanh lý công cụ, dụng cụ	86.360.269	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	7.944.600
Vật tư thu hồi	30.791.065	204.266.712
Thu nhập khác	65.676.900	93.750.939
Cộng	<u>1.039.194.980</u>	<u>305.962.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.196.843.437
Thu thanh lý	-	303.416.432
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	(1.500.259.869)
Chi phí tháo dỡ tài sản cố định	186.673.462	-
GTCL của TSCĐ phát hiện thiếu khi kiểm kê	36.235.686	-
Phần mềm không sử dụng được	1.863.624.000	-
Lỗ thanh lý công cụ, dụng cụ	55.597.829	22.451.193
Phạt do vi phạm hợp đồng	47.954.546	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	856.739.514	55.716
Chi phí khác	211.342.422	460.420.866
Cộng	<u>3.258.167.459</u>	<u>1.679.771.212</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.982.941.998	(14.703.177.303)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.982.941.998	(14.703.177.303)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.139.745	15.139.745
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>593</u>	<u>(971)</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.968.004.756	40.143.638.211
Chi phí nhân công	23.386.413.831	30.251.883.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.286.243.165	5.693.665.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.858.491.577	11.381.056.288
Chi phí khác	13.011.408.608	10.566.291.937
Cộng	<u>86.510.561.937</u>	<u>98.036.535.887</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp	Cộng
Năm nay						
Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch HĐQT	365.456.000	93.937.000	30.000.000	5.060.000	494.453.000
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên HĐQT	-	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Giám đốc (từ 01/7/2022)	-	-	30.000.000	-	30.000.000
	Thành viên HĐQT (từ 30/6/2022)					
Ông Vũ Hải Trường	Thành viên HĐQT (từ 30/6/2022)	-	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT (từ 30/6/2022)	-	-	30.000.000	-	30.000.000
Bà Phạm Thị Hồng Giang	Trưởng BKS (từ 30/6/2022)	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Bà Bùi Thị Lan	Thành viên BKS (từ 30/6/2022)	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Bà Tạ Thị Việt Phương	Thành viên BKS (từ 30/6/2022)	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Bà Trần Thanh Nhân	Phó Giám đốc (từ 20/7 đến 05/12/2022)	240.914.000	25.862.000	-	4.720.000	271.496.000
	Giám đốc (đến 01/7/2022)					
Ông Đỗ Văn Trinh	Phó Giám đốc (từ 05/9/2022)	74.366.000	32.130.000	-	1.780.000	108.276.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc (từ 21/12/2022)	212.040.000	73.239.000	-	50.736.000	336.015.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Kế toán trưởng (từ 21/12/2022)	189.853.000	62.401.000	-	24.352.000	276.606.000
Cộng		1.082.629.000	287.569.000	204.000.000	86.648.000	1.660.846.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp	Cộng
Năm trước						
Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch HĐQT (từ 05/05/2021)/ Giám đốc (đến 04/05/2021)	275.332.000	-	55.000.000	5.000.000	335.332.000
Ông Tạ Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT (đến 04/05/2021) /Thành viên HĐQT (từ 05/05/2021)	82.628.000	-	55.000.000	1.560.000	139.188.000
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên HĐQT (từ 12/4/2017)	34.000.000	-	55.000.000	500.000	89.500.000
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên HĐQT (từ 12/11/2018)	-	-	55.000.000	-	55.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2019)	-	-	55.000.000	-	55.000.000
Ông Đặng Mỹ Dương	Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021)	102.899.000	-	20.000.000	24.535.000	147.434.000
Ông Nguyễn Đỗ Đạt	Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021) /Phó Giám đốc	-	-	20.000.000	-	20.000.000
Bà Lê Thị Hoàng Trinh	Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021)	-	-	27.500.000	-	27.500.000
Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng BKS (từ 12/4/2017)	-	-	27.500.000	-	27.500.000
Ông Trần Việt Quân	Thành viên BKS (từ 25/4/2019)	-	-	37.500.000	-	37.500.000
Bà Trịnh Thị Minh Phương	Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021) Thành viên BKS (từ 27/4/2021)	-	-	10.000.000	-	10.000.000
Bà Trần Thanh Nhân	Kiểm soát viên (đến ngày 27/4/2021)	197.398.000	-	-	4.840.000	202.238.000
Bà Trần Thị Kim Ngân	Giám đốc (từ 09/12/2021) /Phó Giám đốc (đến 8/12/2021)	80.807.300	-	-	-	80.807.300
Cộng		773.064.300	-	417.500.000	36.435.000	1.226.999.300

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hoá, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang có lỗ lũy kế 16.736.733.972 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã xây dựng kế hoạch hoạt động và tin tưởng Công ty có khả năng duy trì hoạt động trong thời gian tới. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có lãi và có dòng lưu chuyển tiền thuần dương từ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02.23/NQ-HĐQT ngày 06/02/2023 và Quyết định số 01/QĐ-GV/2023 ngày 27/02/2023, Công ty sẽ nâng cấp Chi nhánh Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần MacStar Hồ Chí Minh, vốn điều lệ 10.000.000.000 VND, trong đó Công ty góp 75% vốn điều lệ, tương đương 7.500.000.000 VND. Thời gian triển khai từ tháng 02/2023.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Trần Tiên Dũng

